

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ngày: 24-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Ngọc Quang

2. Ông: Hoàng Văn Tiến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thanh- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS, ngày 12/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mùa Giả L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1970, nơi sinh: huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: **Mông**; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: Không; Bỏ đẻ: Mùa A L1 (đã chết) và mẹ đẻ Hồ Thị X (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Vũ Thị X1, sinh năm 1980 và có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người phiên dịch cho bị cáo tại phiên tòa:** Ông Vũ A S, sinh năm 1992; nơi cư trú tổ dân phố T, thị trấn M, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** UBND xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Đại diện là ông Lò Văn Q – Chủ tịch UBND xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt có lý do*)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Cộng đồng dân cư bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Đại diện là ông Mùa A S1, sinh năm 1971, là Trưởng bản (*Vắng mặt có lý do*).

- Họ và tên: Mùa A D, sinh năm 1995, cư trú tại bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Họ và tên: Mùa A V, sinh năm 1992, cư trú tại: bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo **Mùa Giả L** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Mùa Giả L được tham gia họp bản, nghe tuyên truyền về pháp luật và ký cam kết, nhận tiền bảo vệ rừng tại khu vực bản được giao. Nhưng để có đất làm nương sản xuất lương thực cho gia đình, vào khoảng cuối tháng 01/2022, Mùa Giả L đã mang theo 01 chiếc rìu và 01 con dao phát, đi lên khu rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 652 khoảnh 27, lô 13 (2.1) bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên là khu rừng được giao cho Cộng đồng dân cư bản H quản lý và bảo vệ, có chi trả dịch vụ môi trường rừng. Trong khoảng hai tuần L đã chặt hạ toàn bộ cây khu rừng có diện tích 7.622 m² trạng thái rừng “*rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN)*”, mức độ thiệt hại 100%, trữ lượng gỗ trên diện tích rừng bị chặt phá 40,546 m³ trong đó: Sản lượng gỗ trên diện tích bị chặt phá 26,671 m³; sản lượng củi tại vị trí chặt phá 13,875 m³. Trên diện tích chặt phá không có loại gỗ quý hiếm, không có các thực vật rừng nguy cấp quý hiếm tại khu rừng bị hủy hoại. Khi L chặt phá rừng có ông Mùa A S1, Mùa A V cùng bản nhìn thấy và nhắc nhở, yêu cầu L không chặt phá rừng, nhưng L vẫn tiếp tục chặt phá. Ngày 02/3/2022 Hạt kiểm lâm huyện đã phối hợp cùng UBND xã A thực hiện kế hoạch kiểm tra rừng tại Tiểu khu 652, khoảnh 27, lô 13 (2.1) thì phát hiện sự việc.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 02/3/2022, biên bản về việc đo đếm xác định diện tích rừng bị thiệt hại do phá rừng trái pháp luật và biên bản khám nghiệm hiện trường đã xác định: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 7.622 m², trữ lượng gỗ bị chặt phá là 40,546 m³, trong đó thiệt hại về gỗ 26,671 m³, về củi là 13,875 m³.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/KL-HĐĐGTS, ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng, xác định giá trị thiệt hại về lâm sản do Mùa Giả L gây ra là 31.069.360 đồng (*ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKS-MA ngày 01/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Mùa Giả L về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **L**. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; **điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38** của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Mùa Giả L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại**

về rừng cho nhà nước 31.069.360 đồng (ba mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. **Đề nghị Hội đồng xét xử:** Tịch thu để tiêu hủy 01 chiếc rìu có phần cán gỗ đường kính 3,5cm, dài 56cm, phần lưỡi rìu bằng kim loại dài 22,5cm, mặt lưỡi rộng 6,5cm; 01 con dao phát có tổng chiều dài 101cm, phần cán bằng gỗ đường kính 04cm, dài 65cm, phần lưỡi kim loại dài 36cm, phần lưỡi dao rộng nhất 5,5cm, phần đầu lưỡi dao vuốt cong (Rìu và dao đã cũ không còn giá trị sử dụng).

* **Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo .

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 243 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được học hành gì, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt **xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát**. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo **L** thừa nhận toàn bộ hành vi **hủy hoại rừng** như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Mùa Giả L đã khai và công nhận: Khoảng cuối tháng 01/2022 Mùa Giả L đã có hành vi dùng rìu, dao phát chặt phá 7.622 m² rừng phòng hộ tại tiểu khu 652, khoảnh 27, lô 13 (2.1) thuộc địa phận bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (diện tích rừng này do UBND xã A là chủ rừng được giao theo Quyết định 2369/QĐ-UBND, ngày 21/12/2020 của UBND huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên). Thiệt hại về trữ lượng gỗ bị chặt phá là 26,671 m³, có trị giá là 24.270.610 đồng; về củi là

13,875 m³, có trị giá là 6.798.750 đồng với tổng trị giá là 31.069.360 đồng (*ba mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng*). Mục đích L chặt phá diện tích rừng để lấy đất làm nương sản xuất lương thực cho gia đình. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 46/CT-VKS-MA, ngày 01/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn lấy đất làm nương bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại lớn về môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Ảng. *Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: “Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến việc bảo vệ môi trường rừng, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, bị cáo không được học hành gì, đến tuổi trưởng thành xây dựng gia đình với chị Vừ Thị X và có 06 người con. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhận thức rõ việc phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý phá rừng, mục đích của bị cáo lấy đất canh tác làm nương. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo **với nghề nghiệp làm nông nghiệp, ngoài ra không có thu nhập nào khác**, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều đặc biệt khó khăn về kinh tế; bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 BLHS.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo gây thiệt hại về rừng cho Nhà nước do đó căn cứ Điều 48 BLHS; **các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho nhà nước** là 31.069.360 đồng (*ba mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

[6] Vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. **Hội đồng xét xử**: Tịch thu để tiêu hủy 01 chiếc rìu có phần cán gỗ đường kính 3,5cm, dài 56cm, phần lưỡi rìu bằng kim loại dài 22,5cm, mặt lưỡi rộng 6,5cm; 01 con dao phát có tổng chiều dài 101cm, phần cán bằng gỗ đường kính 04cm, dài 65cm, phần lưỡi kim loại dài 36cm, phần lưỡi dao rộng nhất 5,5cm, phần đầu lưỡi dao vuốt cong (*Rìu và dao đã cũ không còn giá trị sử dụng*).

Đối với trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 40,546 m³ sau khi khám nghiệm hiện trường đã để lại diện tích rừng bị chặt phá, đồng thời giao lại cho Cộng đồng bản H, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên quản lý, bảo vệ, do tác động của thời tiết và khí hậu mưa nắng nhiều đã có dấu hiệu hư hỏng, mối mọt, mục nát nên cần tự hủy tại chỗ.

[7] Án phí: **Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo .**

[8] Bị cáo, đương sự **được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.**

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Mùa Giả L phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mùa Giả L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 06/6/2022).

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước số tiền là 31.069.360 đồng (*ba mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy 01 chiếc rìu có phần cán gỗ đường kính 3,5cm, dài 56cm, phần lưỡi rìu bằng kim loại dài 22,5cm, mặt lưỡi rộng 6,5cm; 01 con dao phát có tổng chiều dài 101cm, phần cán bằng gỗ đường kính 04cm, dài 65cm, phần lưỡi kim loại dài 36cm, phần lưỡi dao rộng nhất 5,5cm, phần đầu lưỡi dao vuốt cong (*Rìu và dao đã cũ không còn giá trị sử dụng*). (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 01/8/2022*).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương